

## Công ty Xuyên quốc gia - chủ thể quan hệ quốc tế

Hoàng Khắc Nam\*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 28 tháng 7 năm 2008

**Tóm tắt.** Bên cạnh chủ thể quốc gia, sự nổi lên của các chủ thể phi quốc gia là một trong những nhân tố tạo nên những thay đổi ấn tượng của quan hệ quốc tế (QHQT) thời hiện đại. Công ty Xuyên quốc gia là một trong những chủ thể phi quốc gia quan trọng nhất.

Để tìm hiểu vai trò chủ thể QHQT của Công ty Xuyên quốc gia, bài viết xem xét quá trình hình thành và phát triển của chúng kể từ thời cận đại cho đến nay. Một quá trình phát triển như vậy có thể giúp thấy được xu hướng tăng cường vai trò của chúng trong QHQT thế giới.

Bài viết cũng tìm hiểu những đặc điểm của Công ty Xuyên quốc gia như tính cá nhân, tính quốc tế, mức độ thế chế, quan hệ với quốc gia,... Đó là những yếu tố không chỉ góp phần quy định vai trò chủ thể QHQT mà còn tạo nên những đặc thù riêng trong tác động của chúng tới nền kinh tế chính trị quốc tế.

Cuối cùng, bài viết đánh giá về vai trò chủ thể QHQT với loại hình đặc biệt là chủ thể phi quốc gia. Việc đánh giá này được xem xét lần lượt trên bốn tiêu chí là tham gia, mục đích, năng lực và ảnh hưởng.

Việc tìm hiểu vai trò chủ thể QHQT của Công ty Xuyên quốc gia không chỉ có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu QHQT, mà còn có thể là cần thiết đối với nước ta trong bối cảnh mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong phần lớn chiều dài lịch sử, QHQT bị chi phối và định đoạt bởi quốc gia. Đến thời hiện đại, thế độc tôn đó dần dần bị phá vỡ bởi sự nổi lên các chủ thể mới bên cạnh quốc gia. Đó chính là chủ thể phi quốc gia (*Nonstate Actor*). Sự tồn tại của các chủ thể phi quốc gia đã tác động mạnh mẽ lên quốc gia và dẫn đến những thay đổi đáng kể trong QHQT. Thậm chí, sự phát triển của chúng còn được nhiều người kỳ vọng sẽ còn đem lại những thay đổi to lớn hơn cho tương lai thế giới.

Công ty Xuyên quốc gia là một trong những chủ thể phi quốc gia quan trọng nhất. Đó là những tổ chức kinh doanh có quyền sở hữu hoặc hoạt động kinh doanh diễn ra trên địa bàn nhiều quốc gia. Trong kinh tế, thường có sự phân biệt giữa Công ty Quốc tế (*International Corporation*) với Công ty Đa quốc gia (*Multinational Corporation*) và Công ty Xuyên quốc gia (*Transnational Corporation*). Trong đó, Công ty Quốc tế là công ty có sự quốc tế hoá thị trường, tức là hoạt động ở cả thị trường nội địa lẫn thị trường nước ngoài. Công ty Đa quốc gia là công ty có sự quốc tế hóa nguồn vốn, tức là có chủ đầu tư thuộc các

\* ĐT: 84-4-7730725

E-mail: hknam84@yahoo.com

quốc tịch khác nhau. Công ty Xuyên quốc gia là công ty có sự quốc tế hoá hoạt động kinh doanh nhưng chủ đầu tư thường thuộc một quốc tịch.

Nhìn chung, các cách phân loại nói trên không được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu QHQT. Đối với QHQT, một sự xếp hạng theo quy mô địa lý và doanh số, sự phân biệt quốc tịch của công ty mẹ hay mức độ ảnh hưởng trong QHQT thường có ý nghĩa nhiều hơn sự phân loại bởi những tiêu chí trên giúp đánh giá được khả năng tương tác và vai trò của chúng trong QHQT. Tuy nhiên, trong bài này, xuất phát từ góc độ có ảnh hưởng xuyên quốc gia trong QHQT, thuật ngữ Công ty Xuyên quốc gia được sử dụng chung để chỉ tất cả các công ty hoạt động trên quy mô quốc tế, tức là bao gồm cả ba loại nói trên [1].

Với cách hiểu Công ty Xuyên quốc gia như vậy, bài viết này xem xét quá trình và đặc điểm của Công ty Xuyên quốc gia trong QHQT để từ đó đánh giá vai trò chủ thể QHQT của chúng. Việc tìm hiểu vai trò chủ thể QHQT của Công ty Xuyên quốc gia không chỉ có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu QHQT, mà còn có thể là cần thiết đối với nước ta trong bối cảnh mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập kinh tế quốc tế.

## 1. Quá trình phát triển của Công ty Xuyên quốc gia

Công ty Xuyên quốc gia (TNC) ra đời trong thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản (CNTB). Trong thời kỳ đầu cạnh tranh tự do của CNTB, mục đích lợi nhuận và sự phát triển sản xuất đã làm tăng yêu cầu về thị trường nguyên liệu, thị trường lao động, thị trường hàng hoá và thị trường tài chính. Các yêu cầu đó đã thúc đẩy việc tăng cường khai

thác và mở rộng hoạt động kinh doanh sang nước khác. Ngoài ra, sự cạnh tranh quyết liệt cũng hướng nhiều công ty trong nước đi tìm lợi nhuận trong thị trường bên ngoài. Quá trình này đã được tạo điều kiện bởi sự phát triển của thương mại quốc tế đã hình thành qua nhiều thế kỷ trước. Quá trình này cũng được tạo điều kiện bởi sự ủng hộ của các nhà nước TBCN và chủ nghĩa thực dân. Đồng thời, quá trình đi từ hợp tác gián đơn đến liên kết sâu sắc hơn trong giới công thương tư bản đã làm tăng khả năng thực hiện sự mở rộng này. Trên cơ sở đó, các tổ chức kinh doanh quốc tế bắt đầu được hình thành và phát triển. Những tổ chức kiểu này được biết đến sớm là vào đầu thế kỷ XVII như các Công ty Đông Ấn của Anh, Hà Lan hay Công ty Hudson Bay. Vào thời bấy giờ, các công ty đó đã có ảnh hưởng nhất định đến QHQT như khuyến khích hoặc trực tiếp thi hành chủ nghĩa thực dân. Có những đoàn thám hiểm thực dân do các công ty này tổ chức. Nhiều cuộc xâm lược do chính các công ty này khuyến khích và hỗ trợ. Khi ách thực dân đã được thiết lập, những công ty này đã đi đầu trong việc bóc lột và khai thác thuộc địa.

Các TNC thực sự hình thành và phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc. Trong thời kỳ này, quá trình tích tụ tư bản, tập trung sản xuất, sự kết hợp giữa giới tài chính và giới công thương đã dẫn đến sự ra đời của hàng loạt các tập đoàn sản xuất-kinh doanh lớn theo xu hướng độc quyền. Sự cạnh tranh tự do trong thời kỳ đầu của CNTB với sự thôn tính cá lớn nuốt cá bé cũng tạo thêm điều kiện cho sự hình thành các tổ chức kinh doanh độc quyền lớn từ Syndica qua Trust tới Conglomerate. Đáng chú ý, sự cạnh tranh và xu hướng độc quyền diễn ra mạnh mẽ cả trên thị trường trong nước lẫn ngoài nước nên càng làm tăng tính quốc tế của các công ty

này. Sự nổi lên của các công ty độc quyền và sự vươn mạnh ra thế giới còn nhờ sự kết hợp chặt chẽ giữa quyền lực kinh tế của chúng với quyền lực chính trị của nhà nước TBCN. Điều đã thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc trong QHQT. Hai quyền lực này đã song hành cùng nhau trong nhiều nỗ lực tranh giành thị trường quốc tế, mở rộng khu vực ảnh hưởng và chiến tranh đế quốc.

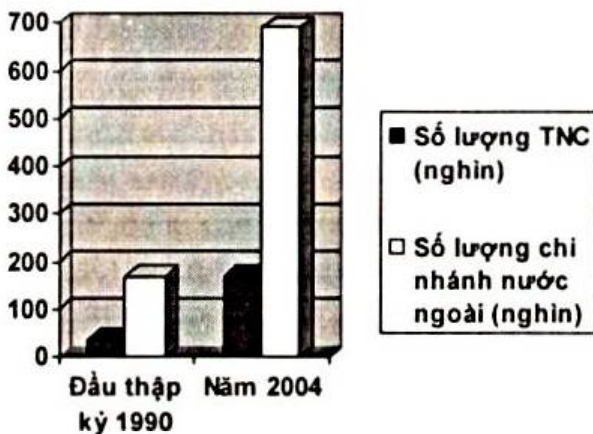
Sau Chiến tranh Thế giới II, sự phát triển của nền kinh tế thế giới, nhu cầu tăng cường quan hệ kinh tế quốc tế và sự hợp tác chính trị giữa các TBCN đã tạo điều kiện cho sự phát triển tiếp tục của các TNC, đặc biệt trong thế giới tư bản. Nhiều TNC ra đời và phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ này. Sự phát triển của TNC không chỉ ở sự nắm giữ các lĩnh vực kinh tế trọng yếu, năng lực tài chính và khoa học kỹ thuật,... mà còn ở sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra khắp thế giới tư bản. Vai trò của TNC trong QHQT cũng vì thế mà đã tăng lên qua sự đóng góp rất lớn vào việc tăng trưởng các dòng đầu tư nước ngoài, thúc đẩy thương mại xuyên quốc gia và mở rộng phân công lao động quốc tế. Bên cạnh đó, sự ra đời của hàng loạt quốc gia mới thuộc Thế giới thứ Ba cùng với sự yếu kém của các nền kinh tế đó cũng vẫn duy trì cơ hội cho TNC mở rộng kinh doanh tại thị trường này. Tuy nhiên, quá khứ gắn liền với chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc đã tạo nên sự phản ứng và nghi ngờ đối với các TNC. Trong những năm 1960 và 1970, nhiều nước mới giành được độc lập đã coi các TNC là "kẻ bóc lột", "thực dân kinh tế" hay "động vật ăn thịt" các nước nghèo. Các TNC còn bị lên án bởi xuất khẩu công nghệ lạc hậu, khai thác quá nhiều tài nguyên không tái tạo được, tranh giành thu hút lao động chuyên môn, chèn ép sản xuất nội địa và tạo nên một tầng lớp giàu xổi ở nước sở tại... Vì thế, tài sản

nước ngoài của các TNC được quốc hữu hoá ở nhiều nơi. Các TNC phải rút lui khỏi thị trường của một số nước Thế giới thứ Ba. Mặc dù vậy, điều này cũng không ngăn cản được sự lớn mạnh của các TNC, đặc biệt ở các nước TNCN phát triển.

Từ những năm 1980, nhất là sau Chiến tranh Lạnh, các TNC đã phát triển rất mạnh mẽ và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong QHQT. Xu thế hoà dịu sau Chiến tranh Lạnh, sự phát triển của kinh tế thị trường như con đường phát triển chung, xu thế hợp tác cùng phát triển, trào lưu thúc đẩy thương mại tự do và hội nhập kinh tế... đã tạo điều kiện cho các TNC mở rộng địa bàn, phát triển hoạt động ra khắp thế giới. Vai trò chính trị và thực lực kinh tế to lớn cũng như sự chi phối nền kinh tế thế giới của các nước phát triển - nơi xuất phát của hầu hết các TNC lớn - tiếp thêm điều kiện cho sự phát triển và vai trò của các TNC. Đáng chú ý, sự thay đổi cách nhìn nhận về TNC đã góp phần đáng kể cho sự mở rộng hoạt động kinh doanh quốc tế của các TNC. TNC ngày càng được coi là công cụ phát triển, là sự tạo công ăn việc làm, là nguồn thu thuế, là sự khắc phục về vốn, kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm làm ăn quốc tế. Điều kiện chính trị thay đổi ở nhiều nước đang phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi, sự phát triển của hệ thống luật lệ quốc tế và pháp luật quốc gia liên quan đến TNC cũng làm giảm bớt sự nghi ngại chính trị đối với các TNC. Bởi thế, các nước đều mở cửa thị trường, khuyến khích FDI và thậm chí còn cạnh tranh với nhau trong việc thu hút TNC. Nhờ đó, các TNC đã bành trướng khá nhanh và mở rộng vai trò trong đời sống quốc tế.

Sau Chiến tranh Lạnh, TNC đã có sự phát triển chóng mặt với số lượng các TNC tăng gần gấp đôi, từ khoảng 37.000 đầu thập kỷ 1990 lên gần 70.000 vào năm 2004. Đồng thời,

mức độ quốc tế hoá của chúng cũng phát triển chưa từng thấy với số lượng chi nhánh nước ngoài tăng gần bốn lần, từ 170.000 đầu thập kỷ 1990 lên gần 690.000 vào năm 2004 [2, tr.113]. Một điểm khác cũng đáng chú ý, TNC không còn là độc quyền của các nước phát triển hàng đầu mà đã xuất hiện cả trong các nền kinh tế đang phát triển hoặc mới nổi. Tuy nhiên, quy mô và vai trò của các TNC này vẫn còn rất khiêm tốn. Chúng chỉ chiếm 4 trong tổng số 100 TNC phi tài chính lớn nhất thế giới năm 2003<sup>(1)</sup>, chiếm 3 trong tổng số 50 TNC tài chính lớn nhất thế giới năm 2004<sup>(2)</sup>.



Biểu đồ 1. Sự phát triển của TNC sau chiến tranh lạnh.

Sức mạnh kinh tế của TNC rất lớn với tài sản trong năm 2003 của 100 TNC lớn nhất thế giới là 8.023 tỉ USD, trị giá kinh doanh là

5.551 tỉ USD [2, tr.17]. Các TNC cũng là người nắm giữ hầu hết vốn đầu tư nước ngoài<sup>(3)</sup>. Các TNC thực hiện hơn 80% thương mại thế giới [3]. Các TNC chi phối hầu hết các ngành công nghiệp và dịch vụ quan trọng của thế giới. Các TNC cũng nắm giữ phần lớn công nghệ tiên tiến và quá trình chuyển giao công nghệ. Các TNC vẫn tiếp tục nằm trong trung tâm của sự phát triển. Thế và lực của TNC tiếp tục phát triển trong những năm gần đây với xu hướng sáp nhập và thu nhận (M&A) để hình thành các tập đoàn lớn<sup>(4)</sup>, nhất là trong những lĩnh vực kinh tế quan trọng như truyền thông, ngân hàng-tài chính, giao thông vận tải... Tất cả những điều này đang làm tăng vai trò của TNC đối với quốc gia và QHQT.

## 2. Đặc điểm của Công ty Xuyên quốc gia trong quan hệ quốc tế

TNC được nhiều người coi là một loại hình tổ chức quốc tế phi chính phủ (INGO) trong kinh tế. Giữa INGO và TNC có những đặc điểm giống nhau. Nhưng cũng có nhiều người khác tách TNC như một chủ thể phi quốc gia riêng. Sở dĩ như vậy là bởi vì TNC có những đặc điểm riêng không chỉ trong tổ chức, hoạt động mà cả trong tác động của nó tới QHQT. Điều này tạo nên vị trí riêng của

<sup>(1)</sup> Trong số 100 TNC lớn nhất, 25 thuộc Mỹ, 50 thuộc EU (37/50 thuộc Đức, Pháp, Anh), 9 thuộc Nhật. Các nước phát triển khác như Canada, Australia, Thụy Sĩ,... có 12 TNC. Trong khi đó, các nền kinh tế đang phát triển chỉ có 4 TNC là Hutchison Whampoa Limited của Hongkong (xếp hạng 16), Singte Ltd. của Singapore (66), Petronas của Malaysia (72) và Samsung của Hàn Quốc (99) [2, tr.267-269].

<sup>(2)</sup> Đó là ba ngân hàng của Trung Quốc mới tham gia danh sách 50 TNC tài chính lớn nhất thế giới chưa lâu với vị trí xếp hạng lần lượt là Ngân hàng Công thương Trung Quốc (23), Ngân hàng Trung Quốc (34) và Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc (39) [2, tr.273].

<sup>(3)</sup> Trong thời gian 1995-2004, đầu tư trực tiếp nước ngoài của các TNC dưới hình thức mua cổ phần của các doanh nghiệp nước ngoài hoặc lập công ty 100% vốn nước ngoài dao động trong khoảng 58%-71%, đầu tư dưới hình thức cho vay trong công ty chiếm bình quân 23% và tái đầu tư từ lợi nhuận của công ty mẹ chiếm bình quân 12% tổng đầu tư của thế giới [2, tr.10].

<sup>(4)</sup> Từ năm 1987-2004, chỉ tính riêng các M&A qua biên giới có trị giá trên 1 tỉ USD thì số lượng đã là 993 cuộc với tổng trị giá hơn 3.270 tỉ USD, chiếm tổng trị giá giao dịch M&A toàn cầu từ thấp nhất 25,2% năm 1991 đến cao nhất 75,7% năm 2000 [2, tr.9].

nó đối với quốc gia và trong QHQT. Dưới đây là một số đặc điểm chủ yếu của TNC trong QHQT.

- *Tính cá nhân trong tổ chức và hoạt động.* Cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động, thành phần tham gia, nguồn tài chính đóng góp... của các TNC xuất phát chủ yếu từ nguồn cá nhân hơn là nhà nước. Điều này khiến cho tổ chức và hoạt động của các TNC dựa trên ý chí cá nhân của những người góp vốn hơn là ý chí quốc gia. Các TNC theo đuổi lợi ích của chính mình hơn là lợi ích quốc gia. Trên thực tế, có những TNC thuộc sở hữu nhà nước hoặc do nhà nước nắm cổ phần quyết định nhưng số lượng tương đối ít<sup>(5)</sup>. Vì thế, tính cá nhân vẫn là đặc điểm phổ biến của TNC.

- *Tính quốc tế trong thành phần, mục đích và hoạt động.* Chủ sở hữu và thành viên góp vốn của TNC thuộc nhiều quốc tịch khác nhau. Mục đích của các TNC là lợi nhuận trên thị trường quốc tế chứ không bó hẹp trong thị trường nội địa. Hoạt động kinh doanh của nó là xuyên quốc gia với việc khai thác thị trường quốc tế, thiết lập chi nhánh nước ngoài và sử dụng nguồn nhân lực đa quốc gia. Hiện nay, tỉ trọng tài sản nước ngoài, giá trị thương mại của các chi nhánh nước ngoài và nhân công nước ngoài của TNC đều tăng lên<sup>(6)</sup>. Đây là điểm giúp phân biệt TNC với các công ty quốc gia (*National Corporation*).

- *Tính tự nguyện trong thành lập và hoạt động.* Điều đó tức là mục đích, sự thành lập

và nhiệm vụ đề ra, đóng góp và hoạt động của TNC chủ yếu được thực hiện trên cơ sở thoả thuận kinh tế hay dân sự một cách tự nguyện chứ không hoàn toàn chịu chi phối, cưỡng ép của quốc gia. Tất nhiên, tính chất này không bao gồm các TNC thuộc sở hữu nhà nước nhưng trong thực tế, các TNC đó cũng được trao quyền tự chủ kinh doanh khá lớn.

- Khác với các INGO có mục tiêu và chương trình nghị sự rất đa dạng, các TNC thường chỉ có *mục đích là lợi nhuận*. Hoạt động của chúng chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế. Chúng có thể hoạt động trong một hay nhiều ngành kinh tế. Tuy nhiên, nhằm phân tán rủi ro trong kinh doanh, ngày càng có nhiều TNC hoạt động đồng thời trong nhiều ngành kinh tế khác nhau. So với INGO thường ít thay đổi về mục tiêu và chương trình nghị sự, TNC linh hoạt và dễ thay đổi hơn nhiều trong mục tiêu và ngành nghề kinh doanh<sup>(7)</sup>.

- Khác với INGO ít gắn trực tiếp với chính trị, TNC có sự *gắn bó đáng kể với chính trị*. Sự chi phối lẫn nhau giữa chính trị và kinh tế, mục đích lợi nhuận quá lớn của các TNC đã quy định điều này. Không kể quá khứ gắn với chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc, sự can thiệp của TNC vào công việc nội bộ nước khác là hiện tượng không hề hiếm trong thời hiện đại<sup>(8)</sup>. Hiện nay, các phương pháp hoạt động chính trị của TNC thường là gây sức ép đối với nước sở tại và vận động

<sup>(5)</sup> Ví dụ, trong số 100 TNC phi tài chính hàng đầu thế giới hiện nay, chỉ có Petronas của Malaysia là công ty do nhà nước chi phối. Trong số 50 TNC tài chính lớn nhất thế giới, chỉ có 3 ngân hàng của Trung Quốc là Ngân hàng Công thương Trung Quốc, Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng Xây dựng là thuộc sở hữu nhà nước. Còn lại đều thuộc sở hữu tư nhân (Số liệu năm 2003).

<sup>(6)</sup> Năm 2003, tài sản nước ngoài và nhân công nước ngoài của 100 TNC lớn nhất thế giới chiếm gần 50%, trị giá thương mại nước ngoài chiếm hơn 54%. Các chỉ số này tăng lần lượt 1,7%, 0,4% và 2,6% so với năm 2002 [2, tr.17].

<sup>(7)</sup> Ví dụ điển hình là Công ty Sony đã mở rộng hoạt động từ công nghiệp điện tử sang lĩnh vực giải trí như âm nhạc, phim ảnh...

<sup>(8)</sup> Vụ một số TNC của Mỹ, nhất là Công ty Điện thoại và điện tin quốc tế (ITT) khuyến khích CIA và lực lượng của tướng Pinoche tiến hành đảo chính lật đổ chính phủ Allende năm 1973 ở Chile là một ví dụ điển hình. Thắng lợi của chính phủ cánh tả Allende đe dọa lợi ích của hơn 100 công ty Mỹ đang kiểm soát phần lớn kinh tế Chile. Trong số đó, có đủ 24 công ty lớn nhất của Mỹ như General Motor, General Cable, RCA, Xerox, Phelps Dodge...

hành lang ở chính quốc<sup>(9)</sup> để thay đổi chính sách và luật pháp. Ngược lại, hoạt động của TNC cũng chịu ảnh hưởng khá lớn của môi trường chính trị chính quốc và nước sở tại cũng như môi quan hệ chính trị giữa chúng.

- *Tính thể chế của TNC chặt chẽ* hơn nhiều so với các INGO. TNC là loại hình tổ chức kinh doanh quốc tế với tổ chức, nguyên tắc hoạt động và sự quản lý khác hẳn với INGO. Cơ cấu tổ chức của TNC thường theo hình kim tự tháp với mức độ ràng buộc cao và sự phân nhiệm rõ ràng. Chúng có hệ thống các quy định chặt chẽ cho mọi công đoạn hoạt động từ tổ chức xuống từng cá nhân. Các nguyên tắc hoạt động được quy định rõ ràng và có tính bắt buộc. Tính chất quan hệ trong TNC thường mang tính phục tùng. Tính thể chế của TNC thường được thể hiện trong điều lệ công ty, quy chế hoạt động, nội quy và các phương án kinh doanh cụ thể.

- Các TNC hoạt động *tương đối độc lập* với quốc gia do chúng có sự chủ động về tổ chức, tài lực và nhân lực. Chúng hoạt động vì lợi ích của bản thân nhiều hơn là vì lợi ích quốc gia. Nhìn chung, các TNC được tự do định đoạt quy mô, đối tượng và phương án thực hiện hoạt động kinh doanh mà ít có sự can thiệp của nhà nước. Sự độc lập của TNC còn được tăng lên bởi những quy định pháp lý của nhà nước cho phép nó được quyền tự chủ kinh doanh và tự chịu trách nhiệm đối với kết quả kinh doanh. Bản thân thể lực khá lớn của

các TNC cũng giúp đem thêm tính độc lập tương đối cho chúng.

- Tuy nhiên, hoạt động của TNC *vẫn phụ thuộc vào quốc gia* khi chịu sự điều chỉnh của luật pháp chính quốc cũng như của nước sở tại. Tại chính quốc, các hoạt động của chúng chịu sự kiểm soát ít nhiều của nhà nước dưới hình thức như thuế hay luật chống độc quyền<sup>(10)</sup>. Tại quốc gia sở tại, TNC có thể bị quốc hữu hoá như trước kia hoặc những hạn chế như hiện nay về quy mô và lĩnh vực hoạt động như ngành nghề được phép kinh doanh, tỉ lệ góp vốn tối đa, quy định về kiểm toán, khuyến khích về kinh tế nhưng hạn chế về chính trị và văn hoá,... Các TNC vẫn cần sự ủng hộ hay bảo hộ của quốc gia trong hoạt động kinh doanh trên thị trường ngoài nước. Sự phụ thuộc vào quốc gia còn biểu hiện ở chỗ nhiều khi TNC được sử dụng như công cụ chính sách đối ngoại như bao vây cấm vận quốc gia nào đó. Các TNC buộc phải tuân theo quyết định của quốc gia dù điều đó trái với lợi ích của chúng<sup>(11)</sup>.

- Hiện nay, hoạt động của các TNC ngày càng có sự *liên quan gắn bó đến nhau*. Điều này

<sup>(9)</sup> Ba công ty sản xuất ô tô hàng đầu của Mỹ là General Motor, Ford và Chrysler đã từng nhiều lần thúc giục Chính phủ Mỹ thi hành các biện pháp hạn chế sự phát triển ô tô Nhật Bản ở thị trường Mỹ. Điều này đã gây ra các cuộc "chiến tranh ô tô" Mỹ-Nhật và sự tham gia giải quyết giữa chính phủ hai nước. Hay các ví dụ khác như sự phản đối của các TNC Mỹ đối với lệnh cấm vận Liên Xô sau sự kiện Afganistan và sự kiện thiết quân luật ở Ba Lan năm 1981. Một số TNC Mỹ cũng đã từng vận động dỡ bỏ lệnh cấm vận và đòi bình thường hoá với Việt Nam sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc.

<sup>(10)</sup> Ví dụ, các nước phát triển đều ban hành luật chống độc quyền nhằm ngăn chặn sự lũng đoạn của các TNC. Một trong những vụ nổi tiếng nhất gần đây là việc Bộ Tư pháp Mỹ đã đưa Công ty Microsoft ra toà vì sự vi phạm luật chống độc quyền trong sản phẩm phần mềm Windows. Một số nước còn có cả quy định về hoạt động của TNC ở nước ngoài như Nhật Bản có quy định mức lương tối thiểu mà TNC phải trả cho nhân công ở nước ngoài.

<sup>(11)</sup> Chính sách cấm vận của Mỹ đối với Iran sau cuộc Cách mạng Hồi giáo năm 1979 là một ví dụ. Lệnh cấm vận này được áp dụng không chỉ đối với TNC của Mỹ mà cả các TNC của nước khác. Năm 1995, công ty dầu lửa Conoco của Mỹ bị chính quyền Clinton buộc phải huỷ bỏ hợp đồng phát triển một mỏ dầu ở Iran. Ngay lập tức, Royal Dutch Shell của Hà Lan và Total của Pháp nhảy vào thay thế. Mỹ đã đe dọa trừng phạt các TNC Châu Âu và điều này đã gây nên cuộc cãi vã giữa Mỹ và EU. Tương tự như vậy, Công ty dầu mỏ Texaco của Mỹ cũng phải rút khỏi Myanmar vì sức ép trong vấn đề nhân quyền.

được quy định bởi tính hệ thống của nền kinh tế, xu hướng thống nhất của thị trường thế giới, quá trình phân công lao động và bởi cố gắng chính trị của nhà nước nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Sự liên quan này có nhiều phản ánh khác nhau như kết hợp vốn, mua cổ phần của nhau, phối hợp sản xuất, M&A, hợp đồng liên kết công nghệ, phối hợp cùng gây áp lực chính trị,... Đây là điểm khác với INGO mà hoạt động vẫn đang còn khá riêng rẽ.

Những đặc điểm trên không chỉ tạo ra "bản sắc riêng" mà còn góp phần đem lại vai trò chủ thể QHQT cho TNC.

### 3. Vai trò chủ thể quan hệ quốc tế của Công ty Xuyên quốc gia

Sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về lượng lẫn chất, vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế cùng với các tác động ngày càng tăng trong QHQT đang đem lại cho TNC khả năng của một chủ thể QHQT. Điều này được thể hiện trên 4 tiêu chí của chủ thể QHQT là tham gia, mục đích, năng lực và ảnh hưởng.

*Thứ nhất*, xét trên tiêu chí tham gia, về mặt thời gian, TNC bắt đầu ghi dấu ấn lớn trong QHQT với việc vươn ra thị trường nước ngoài từ nửa cuối thế kỷ XIX, phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Về mặt không gian, ngày nay, các TNC đã "phủ sóng" hầu như khắp mọi quốc gia trên thế giới (xem bảng). Thậm chí, nhiều TNC có tầm hoạt động trên quy mô toàn cầu<sup>(12)</sup>. Về

kênh quan hệ, các TNC tham gia vào QHQT không chỉ qua quan hệ giữa TNC với quốc gia khác, giữa TNC với công ty khác mà còn trong nội bộ công ty qua quan hệ giữa trụ sở với các chi nhánh của mình ở nước ngoài. Về hình thức quan hệ, đó là sự phân công lao động quốc tế, đầu tư nước ngoài, thương mại xuyên quốc gia, giao dịch tài chính quốc tế, chuyển giao công nghệ, thu hút lao động nước ngoài,... Về lĩnh vực tham gia, hoạt động của TNC không chỉ diễn ra trong mọi ngành kinh tế lớn mà còn đi sâu vào các lĩnh vực chuyên môn hẹp. Bên cạnh đó, sự tham gia của TNC trong chính trị - lĩnh vực quan trọng trong QHQT - là rất đáng kể như đã trình bày trong phần trên<sup>(13)</sup>. Ngoài ra, TNC còn hiện diện khá lớn một cách trực tiếp hoặc gián tiếp trong nhiều lĩnh vực khác nhau của QHQT như khoa học, văn hoá, xã hội,...<sup>(14)</sup>. Không chỉ về bề rộng, mức độ tham gia QHQT của các TNC cũng rất sâu sắc, đặc biệt trong kinh tế. Điều này tạo khả năng cho TNC tham gia sâu hơn nữa vào đời sống kinh tế, chính trị và xã hội quốc tế.

UBS (Thụy Sĩ), Allianz Group (Đức), HSBC Bank plc (Anh), BNP Paribas SA (Pháp) và ABN Ambro (Hà Lan) có chi nhánh tại 48 nước... [2, tr.273]

<sup>(13)</sup> Có thể bổ sung thêm vai trò của TNC trong lĩnh vực sản xuất vũ khí. Ngoài các TNC sản xuất vũ khí của Mỹ, tổ hợp công nghiệp quốc phòng của Liên Xô trước kia nay cũng đã chuyển thành TNC. Các TNC sản xuất vũ khí lớn không chỉ tác động tới chính sách đối ngoại của các cường quốc mà còn góp phần tạo những vấn đề an ninh trong QHQT như buôn bán vũ khí, chạy đua vũ trang, kích thích xung đột vũ trang...

<sup>(14)</sup> Ví dụ, TNC đóng vai trò rất quan trọng trong khoa học. Năm 2002, 700 công ty chi phí lớn nhất cho nghiên cứu và phát triển (R&D), trong đó có ít nhất 98% là TNC đã chi tới 310 tỉ USD, chiếm tới 46% tổng chi phí R&D thế giới. Các TNC không chỉ chi R&D trong nước mà còn đầu tư ra nước ngoài, thúc đẩy quốc tế hoá hoạt động R&D. Năm 2002, 700 công ty nói trên kiểm soát hơn 2/3 (69%) việc kinh doanh R&D [2, tr.119]. Ngoài ra, TNC còn tham gia gián tiếp tới văn hoá, giáo dục, xã hội thông qua các hoạt động tài trợ, tạo công ăn việc làm,...

<sup>(12)</sup> Ví dụ, năm 2003, trong số 100 TNC phi tài chính có số tài sản nước ngoài lớn nhất, chỉ có 11 TNC có số lượng chi nhánh nước ngoài dưới 100, còn lại đều có tới hàng trăm chi nhánh. Cá biệt có TNC có tới hàng nghìn chi nhánh nước ngoài như Hutchison Whampoa (Hongkong) với 1990/2350, General Electric (Mỹ) với 1068/1398. [2, tr.267] Trong số các TNC tài chính, City Group (Mỹ) có chi nhánh tại 77 nước,

Bảng 1. Số lượng chi nhánh nước ngoài của các TNC theo vùng (đến 2004) [2, tr.264-265]

Vùng	Số lượng	Vùng	Số lượng
<b>Châu Âu</b>		<b>Châu Á</b>	
EU	199.303	Đông Bắc Á	250.020
Các nước Châu Âu phát triển khác	10.485	Đông Nam Á	33.892
Đông nam Âu	97.407	Nam Á	3.237
CIS	10.405	Tây Á	11.025
<b>Châu Mỹ</b>		<b>Châu Phi</b>	
Bắc Mỹ	28.332	Bắc Phi	3.286
Nam Mỹ	6.654	Tây Phi	575
Trung Mỹ	26.881	Trung Phi	274
Các nước Caribbea	1.806	Đông Phi	792
<b>Châu Đại Dương</b>	4.822	Nam Phi	919

*Thứ hai*, xét trên tiêu chí mục đích, tất cả các TNC đều có mục đích lợi nhuận. Lợi nhuận chính là mục đích cơ bản, bao trùm và xuyên suốt của các TNC và được phản ánh trong điều lệ, trong tổ chức và mọi hoạt động kinh doanh. Không có mục đích lợi nhuận, không phải là TNC. Trên phương diện QHQT, mục đích này là động lực chính hướng hoạt động của TNC ra bên ngoài nhằm khai thác hơn nữa lợi nhuận trên thị trường quốc tế. Trước kia, mục đích lợi nhuận đã khiến TNC góp phần đưa quan hệ bóc lột, sự nô dịch thực dân và sự can thiệp chính trị vào QHQT. Ngày nay, mục đích lợi nhuận vẫn tiếp tục quy định cố gắng mở rộng thị trường, tăng cường hoạt động và phát triển các hình thức tác động khác nhau của chúng trong QHQT. Thông qua quá trình kinh doanh quốc tế, các TNC có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế các nước như đầu tư vốn, kích thích xuất khẩu, mở rộng sản xuất, cải tổ cơ cấu, chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng quản lý, tạo việc làm,... Các tác dụng tích cực đó đã khiến

mục đích lợi nhuận của TNC dễ hoà hợp hơn với mục đích phát triển của các nước. Đồng thời, việc giảm thiểu sự can thiệp chính trị thô bạo như trước kia cũng góp phần làm giảm mâu thuẫn với mục đích an ninh chính trị của các nước đang phát triển. Và từ đó, sự nghi ngại, chống đối TNC ở các nước này cũng giảm theo<sup>(15)</sup>. Đó chính là cơ hội cho TNC mở rộng hoạt động ra khắp thế giới để thực hiện mục đích lợi nhuận.

*Thứ ba*, xét trên tiêu chí năng lực, các TNC có nguồn tài lực và nhân lực riêng từ các chủ sở hữu và những người tham gia khác. Nguồn tài chính của chúng rất lớn<sup>(16)</sup> và nguồn nhân lực của chúng cũng dồi dào<sup>(17)</sup>. Thậm chí, có những TNC có số tài sản vượt xa GDP của nhiều nước phát triển<sup>(18)</sup>. Đó là chưa kể xu hướng M&A đang tạo ra những TNC khổng lồ trong nền kinh tế quốc tế. Các TNC được luật pháp chính quốc cũng như nước sở tại trao cho quyền tự chủ và những thẩm quyền riêng trong hoạt động kinh doanh. Luật pháp của chính quốc thì rộng rãi,

(15) Việt Nam là một ví dụ điển hình. Sau khi bắt đầu công cuộc Đổi Mới cuối năm 1986, ngay năm sau, Việt Nam đã ban hành Luật Đầu tư nước ngoài 1987 thuộc loại thông thoáng nhất lúc bấy giờ nhằm thu hút các TNC đầu tư vào nước ta. Cho đến nay, chủ trương này vẫn được tiếp tục và các TNC đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của nước ta.

(16) Năm 2003, tổng trị giá tài sản của 100 TNC hàng đầu thế giới là hơn 8.000 tỉ USD [2, tr.17]. Trong khi đó, tổng GDP thế giới năm 2005 là gần 44.500 tỉ USD [4].

(17) Năm 2003, số lượng lao động của 100 TNC hàng đầu thế giới là hơn 14,6 triệu [2, tr.17].

(18) Nếu xếp hạng so sánh giữa GDP của các quốc gia năm 2005 với tổng trị giá tài sản của TNC năm 2003, các TNC sẽ chiếm vị trí 8,9,10 trên Canada (11) và Tây ban nha (12). Các TNC cũng chiếm vị trí từ 13 đến 21 trên Brazil (22), chiếm vị trí 23 trên Hàn Quốc (24), chiếm vị trí 25 và 26 trên India (27), chiếm vị trí 28 trên Mexico (29), chiếm vị trí 30 trên Nga (31), chiếm vị trí 32 trên Australia (33), chiếm vị trí từ 34 đến 39 trên Hà Lan (40), chiếm vị trí từ 41 đến 64 trên Bỉ (65)... Như vậy, trong 65 thực thể kinh tế lớn nhất thế giới, TNC chiếm tới 48, còn quốc gia chỉ là 17 [4, 2, tr.273]



luật pháp nước sở tại thì khuyến khích, luật pháp quốc tế thì còn thiếu và phụ thuộc nhiều vào các nước phát triển vốn lại là chính quốc nên càng tạo điều kiện cho sự tự trị của TNC. Cơ sở tài chính, nguồn nhân lực và những thẩm quyền như vậy đem lại cho các TNC khả năng độc lập trong quyết định và tự chủ trong hoạt động kinh doanh. TNC tự quyết định thị trường, mặt hàng, đối tác, tổ chức, nhân lực, chính sách và biện pháp kinh doanh của nó ở bất kỳ nước nào mà không chịu sự áp chế của ai, miễn là phù hợp với luật pháp. Sự độc lập và tự chủ của TNC còn được thể hiện qua khả năng tác động lên quốc gia và can thiệp vào một số khu vực thuộc thẩm quyền quốc gia. Hiện nay, cho dù vẫn phải chịu sự điều chỉnh nhất định của quốc gia, năng lực này của TNC vẫn đang được củng cố nhờ xu hướng tự do hoá thương mại, sự chào đón của các quốc gia nhận đầu tư, sự phát triển năng lực của bản thân các TNC và cả xu hướng tăng cường hợp tác giữa chúng.

*Thứ tư*, xét trên tiêu chí ảnh hưởng trong QHQT, TNC có được vị trí khá lớn trong QHQT không chỉ nhờ thực lực to lớn và khả năng kiến tạo các quan hệ xuyên quốc gia. Ảnh hưởng này còn được quy định bởi nhu cầu phát triển ngày càng tăng của mọi quốc gia trên thế giới. Nhu cầu phát triển này đã đem lại vị thế quan trọng cho TNC trong chính sách đối ngoại của các quốc gia. Hơn nữa, các TNC chủ yếu xuất phát từ các trung tâm chính trị và kinh tế lớn của thế giới như Bắc Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản (xem thêm chú thích 4). Nhờ sự hậu thuẫn của các thế lực này, ảnh hưởng kinh tế và tiếng nói chính trị của TNC trong QHQT được tăng lên đáng kể. Đáng chú ý, sau Chiến tranh Lạnh, ảnh hưởng của TNC trong QHQT có chiều hướng tăng lên. Nếu sự nổi lên của yếu tố kinh tế

trong QHQT đem lại vị thế quốc tế cao hơn cho TNC, thì xu thế thống nhất của thị trường thế giới đem lại ảnh hưởng toàn cầu cho chúng. Trong khi đó, do khả năng chi phối chính trị của kinh tế ngày một lớn nên khả năng tác động tới quốc gia và QHQT của TNC cũng rất đáng kể. Nhìn chung, TNC vẫn có khả năng tác động lên quốc gia, kể cả chính quốc lẫn nước sở tại, buộc chúng thay đổi hay điều chỉnh hành vi đối nội và đối ngoại.

#### 4. Kết luận

Như vậy, với việc đáp ứng đủ bốn tiêu chí ở trên, TNC có khả năng đóng vai trò của một chủ thể QHQT. Chủ thể này đang tác động ngày một nhiều tới nền kinh tế chính trị quốc tế. Do có tính độc lập tương đối với quốc gia, TNC có thể được coi là chủ thể phi quốc gia.

Tuy nhiên, trong nghiên cứu QHQT, quan niệm về vai trò chủ thể QHQT của TNC khá khác nhau. Những người theo Chủ nghĩa Hiện thực (*Realism*) vẫn tiếp tục coi quốc gia như chủ thể QHQT cơ bản. Họ hoặc phớt lờ, hoặc chỉ coi TNC như công cụ thực hiện lợi ích quốc gia. Trong khi đó, Chủ nghĩa Tự do (*Liberalism*), đặc biệt xu hướng lý luận của Chủ nghĩa Đa nguyên (*Pluralism*) và Chủ nghĩa Xuyên quốc gia (*Transnationalism*) lại dựa vào TNC như một cơ sở thực tiễn và lý luận quan trọng. Cả hai đều coi sự phát triển và vai trò ngày càng tăng của TNC trong QHQT để chứng minh rằng quốc gia không phải là chủ thể duy nhất, rằng TNC chính là sự nổi lên của một loại hình chủ thể QHQT mới - chủ thể phi quốc gia. Chủ nghĩa Xuyên quốc gia còn đi xa hơn khi cho rằng TNC đang làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa quốc gia và nhân dân, từ đó góp phần làm

thay đổi QHQT và thế giới. Còn Chủ nghĩa Kiến tạo (*Constructivism*) tuy không đề cập trực tiếp đến tư cách chủ thể QHQT của TNC nhưng cũng cho thấy có sự đánh giá cao đôi với vai trò của lực lượng này. Chủ nghĩa Kiến tạo cho rằng hành vi của quốc gia được định hình bởi niềm tin của giới tinh hoa (*elite*) mà rõ ràng giới kinh doanh TNC là một phần trong số đó.

Bất luận quan niệm thế nào, tác động của TNC là đáng kể trong QHQT. Và đó là tác động có tính hai mặt. Thông qua quá trình hoạt động và mạng lưới kinh doanh quốc tế của mình, các TNC góp phần mở rộng QHQT, phát triển quan hệ kinh tế quốc tế, làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau, thúc đẩy toàn cầu hoá, hình thành luật lệ trong QHQT, chuyển tải các giá trị xuyên biên giới và củng cố hệ thống quốc tế. Các đóng góp tích cực nhất của TNC là phát triển kinh tế thế giới, tạo điều kiện cho hợp tác và hội nhập quốc tế, thúc đẩy xu hướng thống nhất của thế giới.

Ngược lại, TNC cũng gây ra những tác động tiêu cực đôi với QHQT. TNC góp phần tạo ra hình thức thống trị và lệ thuộc mới trong QHQT. Trong khi Chủ nghĩa Tự do không quan tâm nhiều đến tác động tiêu cực của TNC thì Chủ nghĩa Mác-Lênin lại chú trọng đến khía cạnh này. Trong tác phẩm "*Chủ nghĩa Đế quốc - giai đoạn tột cùng của Chủ nghĩa Tư bản*", Lênin đã chỉ ra và phân tích những hậu quả to lớn do các TNC độc quyền gây ra cho quốc gia và QHQT. Một số lý luận

khác như Lý thuyết về sự phụ thuộc của Raul Prebisch, Lý thuyết về hệ thống thế giới của Immanuel Wallerstein cũng chỉ ra tác động tiêu cực của TNC đôi với sự phân hoá thế giới.

Nắm công cụ tài chính và công nghệ trong tay, các TNC đang tác động lên luật lệ kinh tế quốc tế và chi phối sự phân công lao động quốc tế mới có lợi cho chúng. Trong đó, các nước đang phát triển có nguy cơ ngày càng phụ thuộc vào các nước công nghiệp phát triển khi trở thành nơi cung cấp nguyên liệu, lao động và sản phẩm sơ chế giá rẻ cũng như nơi tiêu thụ hàng hoá giá cao của các TNC. Các TNC được cho rằng đang khoét sâu thêm mâu thuẫn Bắc-Nam khi duy trì sự bóc lột các nước đang phát triển, chèn ép nền sản xuất nội địa, duy trì bất bình đẳng về cơ hội và thu nhập, trói buộc bằng nợ nần, chuyên giao công nghệ lạc hậu, thủ phạm tàn phá tài nguyên và môi trường, gây ra đung độ giá trị văn hoá Phương Tây và bản địa, tiếp tục sự can thiệp chính trị vào công việc nội bộ các nước dưới nhiều hình thức khác nhau,... Nói chung, TNC vẫn tiếp tục gây lo ngại cho các nước đang phát triển và hoàn toàn có thể tạo ra những vấn đề lớn trong QHQT bởi khả năng can thiệp chính trị và lũng đoạn kinh tế của chúng. Vì thế, đã có những cố gắng trong QHQT nhằm ngăn chặn các khả năng này<sup>(19)</sup>.

Các tác động hai mặt của TNC đôi với QHQT là một thực tế. Và đó cũng là cơ sở để khẳng định thêm tư cách chủ thể QHQT của TNC.

<sup>(19)</sup> Ví dụ, Liên Hợp Quốc đã lập ra một Trung tâm về các tập đoàn xuyên quốc gia. Trung tâm này đã đề ra "Những nguyên tắc ứng xử" nhằm hạn chế các hành động quá trớn của TNC. Tuy nhiên, nhiều khi các TNC đã không tuân theo nguyên tắc này mà họ thường đi tìm những thoả thuận riêng với nước sở tại. Ví dụ khác là việc 5 nước thuộc nhóm Andean đã lập liên minh để tăng sức mạnh cho mình trong thoả thuận với các TNC.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thiết Sơn (Chủ biên), *Các Công ty Xuyên quốc gia: Khái niệm, đặc trưng và những biểu hiện mới*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003.
- [2] UNCTAD, *World Investment Report 2005*.
- [3] Conway Henderson, *International Relations - Conflict and Cooperation at the Turn of the 21st Century*, McGraw-Hill, Boston, 1998, Bản dịch của Khoa Quốc tế học, Tập 2, tr. 57.
- [4] IMF, *World Economic Database*, 9/2006.

# Transnational Corporation - an international actor

Hoang Khắc Nam

*College of Social Sciences and Humanities, VNU  
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Beside state actors, the emergence of nonstate actor has been one of factors that have made impressive changes of international relations in the contemporary era. It is Transnational Corporations to be a nonstate actor.

For understanding the role of international actor of Transnational Corporations, the article examines the their process of establishment and development from the modern period up to now. The examined process may help to find out the tendency of increasing role of Transnational Corporations in world's international relations.

The article also studies characteristics of Transnational Corporations such as personality, internationality, level of institution, relationship with state actor,... There are the factors that not only partly determine their role of international actor, but also make some features in their impacts on international political economy.

Finally, the article evaluates the role of international actor of Transnational Corporations with the special type of nonstate actor. The evaluation is conducted in turn in four criteria as participation, purpose, capability and influence.

The understanding the role of international actor of Transnational Corporations has significance for international studies, but also is able to be necessary for our country in the context of openness for attraction of foreign investment and international economic integration.